

Bản án số: 82/2022/HNGĐ – ST

Ngày 21-12-2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Ông Trương Thành Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Thị L**, sinh năm: 1999 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Bình 2, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông **Điều S**, sinh năm: 1995 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị L và ông Điều S tự nguyện sống chung vào năm 2018. Đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp Tân Bình 2, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà Thị L xin được ly hôn với ông Điều S.

Về con chung: Bà Thị L và ông Điều S có 01 người con chung tên Điều T, sinh năm: 05/12/2019. Khi ly hôn, bà Thị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Hiện bà Thị L không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị L không yêu cầu ông Điều S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Thị L và ông Điều S khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thị L và ông Điều S không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Điều S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Điều S thống nhất với lời trình bày của bà Thị L về quan hệ hôn nhân. Trong quá trình hôn nhân, ông Điều S thừa nhận giữa ông và gia đình bên bà Thị L xảy ra mâu thuẫn, họ chê ông Điều S nghèo, nói xấu ông nhưng bà Thị L không bên vực mà còn yêu cầu ly hôn với ông. Ông Điều S cảm thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nay bà Thị L yêu cầu ly hôn với ông Điều S thì ông Điều S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Bà Thị L và ông Điều S có 01 người con chung tên Điều T, sinh năm: 05/12/2019. Hiện nay đang sống chung với bà Thị L. Trong trường hợp ly hôn, ông Điều S không đồng ý để bà Thị L trực tiếp nuôi con, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị L được ly hôn với ông Điều S.

+ Về con chung: Giao cho bà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Điều T, sinh năm: 05/12/2019.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị L không yêu cầu ông Điều S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có tài sản nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị L có đơn khởi kiện ly hôn với ông Điều S tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Điều S có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Thị L và ông Điều S sống chung với nhau vào năm 2018, đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy nhận kết hôn số 23/2020 ngày 31/3/2020 của UBND xã Lộc Thành nên hôn nhân giữa bà Thị L và ông Điều S là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Thị L cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. bà Thị L khẳng định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Điều S nữa. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà Thị L xin được ly hôn với ông Điều S.

Trong quá trình giải quyết, ông Điều S thừa nhận giữa ông và gia đình bên bà Thị L xảy ra mâu thuẫn, họ chê ông Điều S nghèo, nói xấu ông nhưng bà Thị L không bệnh vực mà còn yêu cầu ly hôn với ông. Ông Điều S cảm thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nay, bà Thị L yêu cầu ly hôn với ông Điều S thì ông Điều S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Tuy nhiên, Ông Điều S cũng không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Thị L và ông Điều S đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Thị L được ly hôn với ông Điều S.

Về con chung: Bà Thị L và ông Điều S có 01 người con chung tên Điều T, sinh năm: 05/12/2019. Hiện nay con đang sống chung với bà Thị L.

Xét thấy con tên Điều T còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện nay đang sống chung với bà Thị L nên tiếp tục giao cho bà Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chung là phù hợp, đảm bảo cho con chung phát triển T diện về thể chất cũng như tinh thần.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Điều S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông S khẳng định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông S khẳng định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Thị L phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị L

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị L được ly hôn với ông Điều S.

2/ Về con chung: Giao cho bà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Điều T, sinh năm: 05/12/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị L không yêu cầu ông Điều S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4/ Về tài sản chung: Bà Thị L và ông Điều S khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về nợ chung: Bà Thị L và ông Điều S khẳng định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0010082 ngày 25/10/2022.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thành
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết